

Số: 272 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 21 tháng 12 năm 2022

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ
về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội
năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Thực hiện Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 69/NQ-CP). Xác định nhiệm vụ cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm tăng nhanh và bền vững số người tham gia bảo hiểm xã hội, ổn định chính sách an sinh xã hội trên địa bàn, tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, người sử dụng lao động, người lao động và nhân dân trong nhiệm vụ phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội.

b) Nắm vững quan điểm, mục tiêu, tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp để tăng nhanh diện bao phủ đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 19/5/2022 cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy đảng, lãnh đạo các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị.

b) Căn cứ các nguyên tắc, chỉ tiêu, tiêu chí và phương pháp xây dựng chỉ tiêu của Nghị quyết số 69/NQ-CP để xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu cho từng loại đối tượng, theo từng thời gian, từ đó đưa ra các giải pháp cụ thể để triển khai, thực hiện.

c) Xây dựng và thực hiện các giải pháp cụ thể, thống nhất, đồng bộ, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

II. CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BHXH, BHTN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2023 (kèm theo Phụ lục chi tiết)

1. Đối tượng thuộc diện phải tham gia

- a) Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc: 1.096.595 người.
- b) Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện: 181.746 người.
- c) Đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp: 877.514 người.

2. Đối tượng tham gia

- a) Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc: 900.304 người.
- b) Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện: 60.158 người.
- c) Đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp: 797.744 người.

3. Tỷ lệ tham gia (số người tham gia so với số người thuộc diện phải tham gia)

- a) Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc: 82%.
- b) Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện: 33%.
- c) Tỷ lệ tham gia bảo hiểm thất nghiệp: 91%.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan Bảo hiểm xã hội, Cục Thuế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Liên minh Hợp tác xã trong việc chia sẻ dữ liệu quản lý doanh nghiệp, quản lý lao động, xác định rõ số lao động của các doanh nghiệp thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp và yêu cầu người lao động, người sử dụng lao động tham gia đầy đủ theo quy định.

2. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra, nhất là thanh tra chuyên ngành bảo hiểm xã hội về đóng bảo hiểm xã hội, tập trung kiểm tra, thanh tra các doanh nghiệp có dấu hiệu trốn đóng, đóng không đủ số lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp; doanh nghiệp nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp kéo dài, xử lý nghiêm các trường hợp cố tình vi phạm chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

3. Tăng cường đối thoại doanh nghiệp, yêu cầu doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp. Thống kê, rà soát số lao động làm việc tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hộ kinh doanh cá thể, yêu cầu tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và vận động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

4. Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, cải thiện quy trình, thủ tục tham gia và thụ hưởng chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, tạo thuận

lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận tham gia và thụ hưởng chế độ, đặc biệt liên quan đến chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện.

5. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, khuyến khích thực hiện tốt chính sách đối với người lao động.

6. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị; đào tạo, bổ sung nguồn nhân lực, mở rộng hệ thống đại lý thu bảo hiểm xã hội; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác điều hành, quản lý bảo hiểm xã hội.

7. Tổ chức đánh giá, thực hiện việc sơ kết, tổng kết, đánh giá định kỳ trong quá trình triển khai phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp để kịp thời rút kinh nghiệm, điều chỉnh, bổ sung các giải pháp thực hiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp Bảo hiểm xã hội tỉnh, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ các chỉ tiêu phát triển đối tượng, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện.

b) Tiếp tục hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện kê khai việc sử dụng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định.

c) Phối hợp Bảo hiểm xã hội tỉnh và các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về bảo hiểm xã hội, tập trung các giải pháp tuyên truyền, vận động, đối thoại chính sách với người lao động, người sử dụng lao động.

d) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, trong đó tập trung thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm đối với những đơn vị, doanh nghiệp cố tình không đóng, đóng không hết số lao động phải tham gia, nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp kéo dài.

đ) Hàng năm, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện; tham mưu việc sơ kết, tổng kết, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chia sẻ thông tin, dữ liệu về đăng ký, thành lập các doanh nghiệp mới để Bảo hiểm xã hội tỉnh nắm bắt, theo dõi khai thác mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đăng ký lao động theo quy định.

b) Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Liên đoàn Lao động tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh xây dựng, đề xuất phương án rà soát, xử lý đối với các doanh nghiệp được cấp phép hoạt động nhưng không tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

c) Tổng hợp chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp vào chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh.

3. Bảo hiểm xã hội tỉnh

a) Chỉ đạo cơ quan bảo hiểm xã hội các huyện, thành phố và các đơn vị trực thuộc phối hợp chặt chẽ các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp sử dụng lao động xác định số lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn tỉnh để đôn đốc, yêu cầu các đơn vị, doanh nghiệp tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đầy đủ cho người lao động. Kết nối thông tin, dữ liệu với các sở, ban, ngành liên quan quản lý, theo dõi đơn vị, doanh nghiệp đang hoạt động, doanh nghiệp thành lập mới; người lao động đang làm việc thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai nhiệm vụ chuyên môn, tiến tới thực hiện giao dịch điện tử đối với tất cả các hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

b) Triển khai đồng bộ có hiệu quả các hình thức thông tin, tuyên truyền chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

c) Thanh tra chuyên ngành về đóng bảo hiểm xã hội, tập trung thanh tra các đơn vị, doanh nghiệp cố tình không đóng, nợ đóng bảo hiểm xã hội, chưa tham gia đầy đủ cho số lao động thuộc diện phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp.

d) Đổi mới cơ chế tổ chức thực hiện, chuyển đổi tác phong phục vụ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa hệ thống quản lý bảo hiểm xã hội; cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ đảm bảo việc giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội đầy đủ, kịp thời đúng quy định của pháp luật.

đ) Xây dựng kế hoạch, mở rộng mạng lưới đại lý thu bảo hiểm xã hội tự nguyện; có giải pháp khuyến khích các địa phương vận động, phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, nhất là bảo hiểm xã hội tự nguyện.

e) Thực hiện đúng chế độ, chính sách về bảo hiểm xã hội bảo đảm quyền lợi của người tham gia. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, tổ chức thực hiện và định kỳ báo cáo kết quả UBND tỉnh theo quy định (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp).

4. Cục Thuế tỉnh

a) Kết nối thông tin dữ liệu, trao đổi thông tin tự động liên quan đến đơn vị, doanh nghiệp đang hoạt động; số lao động đang làm việc tại các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Kiểm tra, rà soát lao động, quỹ tiền lương của doanh nghiệp đã quyết toán tài chính, đối chiếu với lao động, quỹ tiền lương kê khai tham gia bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp Bảo hiểm xã hội tỉnh, các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng và dành thời lượng phù hợp tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, nhất là về trách nhiệm và quyền lợi của người sử dụng lao động, người lao động khi tham gia bảo hiểm xã hội.

6. Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai

a) Tiếp tục hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện kê khai việc sử dụng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp theo đúng quy định.

b) Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh và các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về bảo hiểm xã hội, tập trung các giải pháp tuyên truyền, vận động, đối thoại chính sách với người lao động, người sử dụng lao động.

c) Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thanh tra, kiểm tra về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp tại các doanh nghiệp.

7. Đề nghị Liên đoàn Lao động tỉnh

a) Chỉ đạo các cấp công đoàn tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, vận động người lao động tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

b) Thực hiện giám sát việc thực thi pháp luật, đồng thời tham gia thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật về bảo hiểm xã hội tại các đơn vị, doanh nghiệp và kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm.

c) Kiến nghị hoàn thiện quy định việc giao thẩm quyền khởi kiện ra Tòa án đối với hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, tập thể người lao động theo quy định tại Khoản 8 Điều 10 Luật Công đoàn và Khoản 7, Điều 14 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

8. Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố

a) Xây dựng chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm đạt được chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội đã đặt ra.

b) Chỉ đạo các cơ quan chức năng ở địa phương thực hiện các giải pháp quản lý chặt chẽ số doanh nghiệp đang hoạt động, số lao động đang làm việc và số lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

c) Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tăng tính tuân thủ trong tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, yêu cầu doanh nghiệp tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đầy đủ cho người lao động.

d) Xây dựng kế hoạch triển khai, đơn đốc, chỉ đạo và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, đặc biệt là tăng cường vận động người dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

đ) Thực hiện nghiêm chế độ thông tin báo cáo về thực hiện chỉ tiêu phát triển bảo hiểm xã hội theo Nghị quyết số 69/NQ-CP và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trước ngày 25/12/2023, tổng hợp báo cáo kết quả triển khai tình hình thực hiện nhiệm vụ của địa phương.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện và thành phố bám sát chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị và các nhiệm vụ tại Kế hoạch này triển khai thực hiện tại địa phương, đơn vị. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc; các sở, ban, ngành, địa phương báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) xem xét, chỉ đạo./.

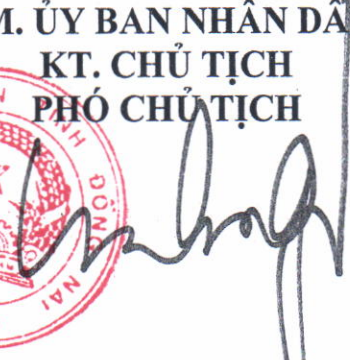
Nơi nhận:

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh (VX);
- Các đơn vị tại Mục V;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh (VX);
- Lưu: VT, KGVX.

<Tannd T12.2022>

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Sơn Hùng



Phụ lục

CHI TIẾT PHÁT TRIỂN NGƯỜI THAM GIA BẢO HIỂM XÃ HỘI BẮT BƯỚC, BẢO HIỂM XÃ HỘI TỰ NGUYỄN VÀ BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số 272 /KH-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh)

STT	Đơn vị	Lực lượng lao động	Bảo hiểm xã hội bắt buộc				Bảo hiểm xã hội tự nguyện				Bảo hiểm xã hội thất nghiệp			
			Đối tượng thuộc diện phải tham gia	Đối tượng tham gia	Tỷ lệ tham gia (%)	Đối tượng thuộc diện phải tham gia	Đối tượng tham gia	Tỷ lệ tham gia (%)	Đối tượng thuộc diện phải tham gia	Đối tượng tham gia	Tỷ lệ tham gia (%)	Đối tượng thuộc diện phải tham gia	Đối tượng tham gia	Tỷ lệ tham gia (%)
1	TP. Biên Hòa	437.299	391.448	321.379	82%	45.851	15.177	33%	338.789	307.990	91%			
2	TP. Long Khánh	62.454	50.421	41.396	82%	12.033	3.983	33%	39.525	35.932	91%			
3	Huyện Tân Phú	61.974	46.864	38.475	82%	15.110	5.001	33%	33.090	30.082	91%			
4	Huyện Vĩnh Cửu	67.352	54.464	44.715	82%	12.888	4.266	33%	42.924	39.022	91%			
5	Huyện Định Quán	75.706	62.944	51.677	82%	12.762	4.224	33%	42.160	38.328	91%			
6	Huyện Trảng Bom	145.006	128.842	105.779	82%	16.164	5.350	33%	107.327	97.570	91%			
7	Huyện Thống Nhất	67.053	53.561	43.974	82%	13.492	4.466	33%	42.380	38.528	91%			
8	Huyện Cẩm Mỹ	57.319	42.322	34.746	82%	14.997	4.964	33%	29.869	27.154	91%			
9	Huyện Long Thành	101.312	91.058	74.759	82%	10.254	3.394	33%	70.383	63.985	91%			
10	Huyện Xuân Lộc	93.305	80.155	65.807	82%	13.150	4.353	33%	57.545	52.314	91%			
11	Huyện Nhơn Trạch	109.561	94.516	77.598	82%	15.045	4.980	33%	73.522	66.839	91%			
Tổng		1.278.341	1.096.595	900.304	82%	181.746	60.158	33%	877.514	797.744	91%			